Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HÒA BÌNH
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
Ngày ký: 29-06-2026 13:41:28 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1856 /QĐ-UBND	*Hòa Bình, ngày 29 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp, mở rộng Lộ 5 Thanh đến cầu Thanh Niên, ấp Thị Trấn A1

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu năm 2023;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2025;

Căn cứ Luật đầu tư công năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã tại Tờ trình số 102/TTr-PKT-XD ngày 27/6/2026 kèm theo Kết quả thẩm định số 51/PKT-XD ngày 27/6/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình: Nâng cấp, mở rộng Lộ 5 Thanh đến cầu Thanh Niên, ấp Thị Trấn A1.

2. Địa điểm xây dựng: Ấp Thị Trấn A1, xã Hòa Bình, tỉnh Cà Mau.

3. Người quyết định đầu tư: UBND xã Hòa Bình.

4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Khu vực Hòa Bình.

5. Tổ chức tư vấn tổ chức lập khảo sát xây dựng *(nếu có)*; tổ chức tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình: Công ty TNHH Dương Phát Hưng.

6. Nhóm, loại, cấp công trình: Nhóm C, Công trình giao thông, Cấp IV.

7. Mục tiêu đầu tư:

Đầu tư xây dựng công trình trên nhằm mục đích đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu giao thông, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình đi lại của người dân trong khu vực. Đồng thời, hình thành mạng lưới giao thông liên hoàn trong khu vực, làm tiền đề để phát triển các lĩnh vực khác như văn hóa, xã hội, kinh tế....

Việc đầu tư xây dựng công trình cũng góp phần nâng cao vai trò, uy tín của Đảng và Nhà nước của sự phát triển riêng của địa phương và sự phát triển chung của đất nước trong thời kỳ mới.

8. Quy mô đầu tư xây dựng:

* Quy mô công trình

Chiều dài thiết kế tuyến là 2.309,44 m, gồm:

Hạng mục 1 - Đường bê tông, chiều dài 2.180 m;

Hạng mục 2 - Phần cầu (gồm 03 cầu), chiều dài tính toán 100 m;

Hạng mục 3 - Đoạn qua kênh đầu tuyến, chiều dài 29,44 m.

* Hạng mục 1: Đường bê tông

- Thông số kỹ thuật:

+ Tải trọng thiết kế: 6,0 tấn;

+ Chiều rộng nền đường: 6,50 m;

+ Chiều rộng mặt đường: 4,00 m;

+ Chiều rộng lề đất: 2 × 1,25 m = 2,50 m;

+ Mái dốc taluy: 1:1,5;

+ Độ dốc ngang mặt đường: 2,0%.

- Thiết kế bình đồ: Hướng tuyến chủ yếu bám theo đường hiện trạng.

+ Điểm đầu: Km0+000 (Cầu 5 Thanh);

+ Điểm cuối: Km2+309 (Cầu Thanh Niên).

- Thiết kế trắc dọc: Bám theo cao độ đường hiện trạng.

- Giải pháp thiết kế kết cấu:

+ San gạt, dọn mặt bằng trong phạm vi đường; san gạt nền hạ, tận dụng đất nơi cao đắp bù nơi thấp;

+ Phá dỡ các vị trí mặt đường bê tông hiện trạng cao cục bộ, tận dụng vật liệu để san nền;

+ Tôn nền bằng lớp cấp phối đá dăm 0×4, đầm chặt đạt $K \geq 0,95$;

+ Bố trí lớp cao su lót chống mất nước vữa xi măng;

+ Thi công mặt đường bê tông cốt thép đá 1×2 mác M250, dày 18 cm (thép Φ8a200);

+ Bố trí gỗ chèn khe co giãn và tưới nhựa chèn khe theo hồ sơ thiết kế;

+ Tận dụng đất tại chỗ để đắp khuôn đường (đất lấy từ kênh thủy lợi).

- Gia cố sạt lở:

+ Gia cố cừ tràm đường kính ngọn 5,0 cm, chiều dài L = 4,7 m trong phạm vi sạt lở theo hồ sơ thiết kế;

+ Bố trí tấm mê bồ chắn đất;

+ Tận dụng đất tại chỗ để đắp khuôn đường (đất lấy từ kênh thủy lợi).

- Đặt cống D1000 phục vụ cấp, thoát nước sản xuất nông nghiệp:

+ Đào đất trong phạm vi đặt cống, tận dụng đất đào để đắp;

+ Đóng cọc cừ tràm đường kính ngọn 5,0 cm, chiều dài L = 4,7 m, mật độ 16 cây/m²;

+ Thi công móng cống bằng bê tông đá 1×2 mác M250, dày 20 cm, đổ liên tục trong phạm vi đặt cống;

+ Lắp đặt cống ly tâm D1000, chiều dài mỗi đốt 2,0 m; mỗi vị trí sử dụng 05 đốt cống, bảo đảm chiều dài đặt cống 10 m/vị trí;

+ Tận dụng đất đào để đắp nền, đầm chặt đạt K = 0,90.

* Hạng mục 2: Phần cầu (gồm 03 cầu, chiều dài tính toán 100 m)

- Cầu số 01: Từ cọc 47 đến cọc H2 (cao độ sử dụng trong công trình là cao độ giả định)

+ Cầu 01 nhịp, chiều dài nhịp 8,0 m, có đường dẫn hai đầu cầu; chiều dài phạm vi tính toán 40 m;

+ Kết cấu bê tông cốt thép;

+ Bề rộng cầu gồm: phần xe chạy 4,00 m, lan can trái 0,15 m, lan can phải 0,15 m, chiều rộng toàn cầu 4,30 m, độ dốc ngang cầu 2,0%.

Phá dỡ cầu hiện trạng:

+ Phá dỡ cầu hiện trạng; tận dụng nhịp dầm thép làm cầu tạm phục vụ lưu thông;

+ Lắp đặt biển báo, biển chỉ dẫn trong quá trình thi công;

+ Tim cầu xây dựng mới trùng với tim cầu hiện trạng.

Phần cọc:

+ Cọc cầu bê tông cốt thép kích thước 25×25 cm, chiều dài 9,4 m (cọc C1), bê tông đá 1×2 mác M300, đổ tại chỗ;

+ Mỗi cầu đóng 10 tim cọc.

Kết cấu mố cầu (mố MA, MB):

+ Mố cầu dạng dầm hộp chữ nhật liên kết với mặt cầu bằng bê tông đá 1×2 mác M300, đổ tại chỗ;

+ Mỗi mố đóng 05 tim cọc C1, kích thước 25×25 cm, chiều dài 9,4 m, đóng đứng.

Kết cấu nhịp:

+ Cầu 01 nhịp, chiều dài 8,0 m;

+ Nhịp chính gồm 05 dầm DUL (I280-H8) đúc sẵn tại nhà máy, vận chuyển đến công trình và lắp đặt bằng cẩu;

+ Bản mặt cầu bằng bê tông cốt thép đá 1×2 mác M300, dày 15 cm, đổ tại chỗ, tạo độ dốc ngang 2,0%;

+ Gờ lan can và lan can bằng bê tông cốt thép đá 1×2 mác M300.

Đường dẫn hai đầu cầu:

+ San gạt, dọn mặt bằng trong phạm vi đường; san gạt nền hạ, tận dụng đất nơi cao đắp bù nơi thấp;

+ Phá dỡ các vị trí mặt đường bê tông cao cục bộ, tận dụng để san nền;

+ Tôn nền bằng cấp phối đá dăm 0×4, đầm chặt đạt K ≥ 0,95;

+ Bố trí lớp cao su lót chống mất nước vữa xi măng;

+ Thi công mặt đường bê tông cốt thép đá 1×2 mác M250, dày 18 cm (thép Φ8a200);

+ Tận dụng đất tại chỗ để đắp khuôn đường (đất lấy từ kênh thủy lợi).

- Cầu số 02: Từ cọc 64 đến cọc 65 (cao độ sử dụng trong công trình là cao độ giả định)

Các thông số kỹ thuật, giải pháp phá dỡ, kết cấu phần cọc, mố cầu, kết cấu nhịp và đường dẫn hai đầu cầu tương tự Cầu số 01, với quy mô cầu 01 nhịp dài 8,0 m, chiều dài phạm vi tính toán 40 m, sử dụng 05 dầm DUL (I280-H8).

- Cầu số 03: Từ cọc 75 đến cọc 76 (cao độ sử dụng trong công trình là cao độ giả định)

+ Cầu 01 nhịp, chiều dài nhịp 9,0 m, có đường dẫn hai đầu cầu; chiều dài phạm vi tính toán 20 m;

+ Kết cấu bê tông cốt thép;

+ Bề rộng cầu gồm: phần xe chạy 4,00 m, lan can trái 0,15 m, lan can phải 0,15 m, chiều rộng toàn cầu 4,30 m, độ dốc ngang cầu 2,0%.

Các giải pháp phá dỡ, phần cọc, kết cấu mố cầu và đường dẫn hai đầu cầu tương tự Cầu số 01. Kết cấu nhịp sử dụng 05 dầm DUL (I400-H8) đúc sẵn tại nhà máy; bản mặt cầu, gờ lan can và lan can bằng bê tông cốt thép đá 1×2 mác M300.

* Hạng mục 3: Đoạn qua kênh đầu tuyến

- Thông số kỹ thuật:

+ Tải trọng thiết kế: 6,0 tấn;

+ Chiều rộng nền đường: 9,00 m;

+ Chiều rộng mặt đường: 4,00 m;

+ Chiều rộng lề đất: 2 × 2,50 m = 5,00 m;

+ Mái dốc taluy: 1:1,5;

+ Độ dốc ngang mặt đường: 2,0%.

- Thiết kế bình đồ: Bám theo đường hiện trạng.

- Thiết kế trắc dọc: Bám theo cao độ đường hiện trạng.

- Giải pháp thiết kế kết cấu:

+ Phá dỡ cầu bê tông hiện trạng;

+ Đào vét bùn và vận chuyển đổ thải đúng nơi quy định;

+ Gia cố cừ tràm đường kính ngọn 5,0 cm, chiều dài L = 4,7 m trong phạm vi sạt lở theo hồ sơ thiết kế;

+ Bố trí tấm mê bồ chắn đất kết hợp vải địa kỹ thuật;

+ Nâng nền bằng cát đen, đầm chặt đạt K = 0,95, thi công theo lớp, chiều dày mỗi lớp không vượt quá 30 cm;

+ Thi công lớp cấp phối đá dăm 0×4 tạo độ dốc ngang, đầm chặt đạt K = 0,95;

+ Bố trí lớp cao su lót chống mất nước vữa xi măng;

+ Thi công mặt đường bê tông cốt thép đá 1×2 mác M250, dày 18 cm (thép Φ8a100);

+ Tận dụng đất tại chỗ để đắp khuôn đường (đất lấy từ kênh thủy lợi).

- Đặt cống D1000 phục vụ cấp, thoát nước sản xuất nông nghiệp:

+ Đào đất trong phạm vi đặt cống, tận dụng đất đào để đắp;

+ Đóng cọc cừ tràm đường kính ngọn 5,0 cm, chiều dài L = 4,7 m, mật độ 16 cây/m²;

+ Thi công móng cống bằng bê tông đá 1×2 mác M250, dày 20 cm, đổ liên tục trong phạm vi đặt cống;

+ Lắp đặt cống ly tâm D1000, chiều dài mỗi đốt 2,0 m; mỗi vị trí sử dụng 05 đốt cống, bảo đảm chiều dài đặt cống 10 m/vị trí..

(Chi tiết theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công)

9. Tổng mức đầu tư *(làm tròn)*: **10.474.718.000 đồng.**

(Bằng chữ: Mười tỷ bốn trăm bảy mươi bốn triệu bảy trăm mười tám ngàn đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 9.286.246.577 đồng.
- Chi phí quản lý dự án: 260.014.904 đồng.
- Chi phí tư vấn xây dựng: 706.295.855 đồng.
- Chi phí khác: 173.779.296 đồng.
- Chi phí dự phòng: 48.382.215 đồng.

10. Tiến độ thực hiện dự án: 2026-2028.

11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

- Nguồn vốn: Vốn Ngân sách Nhà nước (Nguồn phân bổ số tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại ngân sách tỉnh năm 2025).

- Dự kiến phân bổ:

+ Năm 2026-2027: Bố trí vốn để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư, triển khai thi công và hoàn thành các hạng mục đầu tư theo dự án được phê duyệt.

+ Năm 2028: Thực hiện quyết toán dự án hoàn thành và thanh toán bảo hành công trình theo quy định.

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư trực tiếp hoặc thuê tư vấn quản lý dự án.

13. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên *(nếu có)*; phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư *(nếu có)*: Không áp dụng đối với công trình này.

14. Các nội dung khác *(nếu có)*: Không có.

Điều 2. Tổ chức thực hiện: Chủ đầu tư và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai công trình theo đúng chế độ, chính sách và thời gian theo quy định hiện hành, phát huy tốt hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, Chủ đầu tư và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- CT, các PCT UBND xã;
- CVP, các PCVP HĐND-UBND xã;
- Như Điều 3;
- Ban Quản lý dự án Khu vực Hòa Bình;
- Phòng Kinh tế xã;
- Lưu: VT, PKT(Kh).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Văn Duy